

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2024 về việc “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc N** – sinh năm 1979

Địa chỉ: 93/4 đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh H

- Bi đơn: Ông **Nguyễn Quốc V** – sinh năm 1978

Địa chỉ: 93/4 đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh H

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Ngọc N** và ông **Nguyễn Quốc V**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Bà Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K sinh ngày 12/01/2015 đến khi con chung trưởng thành. Ông Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà N, ông V có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Nguyễn Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Nguyễn Quốc V mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông V phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung). Bà N tự nguyện nộp toàn bộ án phí thay cho ông V. Như vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002501 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp đủ án phí.

Quy định: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Quốc V không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND phường H, Tp. T, tỉnh H(CNKH số 63 ngày 23/6/2003);
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Dương Thị Phương Dung

